

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

Bản án số: 63/2024/DS-ST

Ngày 03-7-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Quốc Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiem;

Ông Tạ Kỳ Trung.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Hữu Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa:
bà Lê Thị Hồng Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân Hàng TMCP S (S1). Địa chỉ: số B N, Phường H, Quận C, Tp. Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Đức Thạch D đại diện theo ủy quyền là ông: Lã Ngọc M. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

đơn: Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1978. Địa chỉ cư trú: ấp T (nay là ấp T), xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/06/2011 ông Quyết ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng S1) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Quyết Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng MC Credit

Classic512341-0101 hạn mức sử dụng là ỨC\#,###,### 14,000,000 Đến ngày 13/07/2011 ông Quyết đăng ký thêm thẻ Visa Credit Classic472074-2159 hạn mức sử dụng chung là 19,000,000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Quyết thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 17,822,500 (trong đó thẻ MC Credit Classic512341-0101 12,022,500 thẻ Visa Credit Classic472074-2159 5,800,000 đồng)

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Quyết thanh toán cho Ngân hàng số tiền 9,404,636 (trong đó thẻ MC Credit Classic512341-0101 6,334,977 thẻ Visa Credit Classic472074-2159 3,069,659 đồng).

Qua nhiều lần làm việc yêu cầu trả nợ nhưng ông Quyết không có thiện chí trả nợ. Do ông Quyết phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Q (cụ thể: thẻ MC Credit Classic512341-0101 21/11/2012, thẻ Visa Credit ClassicEFIELD SỐ_THẺ_2 472074-2159 26/11/2012) và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 03/7/2024, ông Quyết nợ tổng số tiền 83.194.127 đồng, trong đó: nợ gốc: 14.964.101 đồng; lãi quá hạn: 68.230.026 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Phạm Văn Q1 phải trả cho ngân hàng tổng số tiền nợ của 02 thẻ tín dụng tính đến ngày 03/7/2024 thì ông Quyết nợ tổng số tiền 83.194.127 đồng, trong đó: nợ gốc: 14.964.101 đồng; lãi quá hạn: 68.230.026 đồng và yêu cầu ông Quyết có trách nhiệm thanh toán các khoản lãi phát sinh của 02 thẻ tín dụng từ ngày 04/7/20 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng mà ông Q1 đã ký với ngân hàng.

Bị đơn ông Phạm Văn Q đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định Pháp luật, nhưng ông Q vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày trong hồ sơ.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tỉnh Tây Ninh trình bày:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 463, 466, 468 BLDS năm 2015; các Điều 91, 95 Luật Tổ chức tín dụng 2010; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S tranh chấp hợp

đồng tín dụng với ông **Phạm Văn Q.** Buộc ông **Q** có trách nhiệm trả cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền nợ gốc là 14.964.101 đồng và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng khởi kiện về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông **Phạm Văn Q.**, ông **Q** ký hợp đồng tín dụng với mục đích tiêu dùng nên đây là tranh chấp về dân sự; ông **Q** có địa chỉ cư trú tại **ấp T, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh** nên vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông **Q** vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông **Q** theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: ngày 29/06/2011 ông **Quyết** ký với **Ngân hàng S1** hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 14.000.000 Ngày 13/07/2011 ông **ERGFIELD TÊN** Quyết ký thêm thẻ Visa Credit Classic472074-2159 hạn mức sử dụng chung là 19.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông **Quyết** thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 17.822.500. Trong đó thẻ MC Credit Classic512341-0101 là 12.022.500 và thẻ Visa Credit Classic472074-2159 5.800.000. Ông **Quyết** thanh toán cho Ngân hàng số tiền 9.404.636 Trong đó thẻ MC Credit Classic512341-0101 6.334.977 đồng; thẻ Visa Credit Classic472074-2159 3.069.659. Số tiền nợ gốc từ tháng 11/2012 cho đến nay ông **Q** chưa thanh toán cho ngân hàng là 14.964.101 đồng và lãi quá hạn từ tháng 11/2012 cho đến ngày 03/7/2024 là 68.230.026 đồng, ông **Q** chưa thanh toán cho ngân hàng.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông **Q** biết về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng cùng với các tài liệu chứng cứ chứng minh nhưng ông **Q** không có ý kiến cũng như không phản đối những tình tiết, tài liệu, chứng cứ của Ngân hàng. Theo quy định

tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông **Q** đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Qua xem xét yêu cầu khởi kiện cùng tài liệu chứng cứ mà Ngân hàng cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy ngày 29/06/2011 ông **Quyết** ký với **Ngân hàng S1** hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 14.000.000 Ngày 13/07/2011 ông **Quyết** ký thêm thẻ Visa Credit Classic 472074-2159 hạn mức sử dụng chung là 19.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, **TÍNH** ông **Quyết** thanh toán cho Ngân hàng số tiền 9.404.636 Trong đó thẻ MC Credit Classic 512341-01016.334.977; thẻ Visa Credit Classic 472074-2159 3.069.659. Số tiền nợ gốc từ tháng 11/2012 cho đến nay ông **Q** chưa thanh toán cho **ngân hàng T** là 14.964.101 đồng và lãi quá hạn từ tháng 11/2012 cho đến ngày xét xử là 68.230.026 đồng, ông **Q** chưa thanh toán cho ngân hàng. Do đó, nay Ngân hàng yêu cầu ông **Q** thanh toán cho Ngân hàng tiền nợ gốc và lãi suất nêu trên là có cơ sở chấp nhận như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về án phí: do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên ông **Q** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 1.293.601 đồng tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu số 0003791 ngày 26/03/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, **Tp.**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 264 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP S** về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với ông **Phạm Văn Q**.

Buộc ông **Phạm Văn Q** có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền nợ là 83.194.127 (Tám mươi ba triệu một trăm chín mươi tư nghìn một trăm hai mươi bảy) đồng, trong đó: nợ gốc: 14.964.101 (Mười bốn triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm linh một) đồng; lãi quá hạn: 68.230.026 (Sáu mươi tám triệu hai trăm ba mươi nghìn không trăm hai mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông **Q** còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông **Q** phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2. Về án phí: Ông **Phạm Văn Q** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.159.000 (Bốn triệu một trăm năm mươi chín nghìn) đồng.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 1.293.601 (Một triệu hai trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm lẻ một) đồng tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu số 0003791 ngày 26/03/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, **Tp .**

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND TX TrB;
- Chi cục THADS TX TrB;
- Đương sự;
- Lưu: VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quốc Hùng